TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Hoa.

2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Lưu Quốc Trạng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 471/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2023, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2024/QĐXXST-DS ngày 23/4/2024 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 17/TB-TA ngày 08/5/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1989.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc D, sinh năm 1987.

Cùng cư trú tại: Đội 3, thôn N, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Tại phiên tòa, bà T, ông D đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn là bà Bùi Thị T trình bày:

Bà và ông Trần Quốc D sau một thời gian tìm hiểu, sau đó được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã Tịnh An,

huyện Sơn Tịnh (nay là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/10/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con là cháu Trần Văn Thanh P, sinh ngày 29/7/2012. Đến năm 2023, bà phát hiện ông D có quan hệ với người phụ nữ khác, bà nhiều lần yêu cầu ông D chấm dứt mối quan hệ bất chính này, ông D hứa sẽ thay đổi, vì con nên bà đã bỏ qua cho ông D. Tuy nhiên, ông D vẫn tiếp tục quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nên bà và ông D đã nhiều lần cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không hòa giải được, bà với ông D phần ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau.

Nay, bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết những việc sau:

- Bà yêu cầu được ly hôn ông Trần Quốc D.

- Về con chung: Bà và ông D có 01 con chung là cháu Trần Văn Thanh P, sinh ngày 29/7/2012. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Quốc D trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà Bùi Thị T về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung.

Ông không có quan hệ với người phụ nữ khác như bà T trình bày, bà T nghe người khác nói ông có quan hệ với người phụ nữ khác mà không tin lời ông giải thích, nên ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Trường hợp có căn cứ chấp nhận cho ly hôn, ông đồng ý giao cháu P cho bà T nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn ông Trần Quốc D.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Văn Thanh P, sinh ngày 29/7/2012 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Bà T và ông D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với ông Trần Quốc D cư trú tại thôn Ngọc Thạch, xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị T và ông Trần Quốc D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn, được UBND xã Tịnh An, huyện Sơn Tịnh (nay là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/10/2011, nên hôn nhân của bà T và ông D là hợp pháp.

Đầu năm 2023, bà T phát hiện ông D không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nên bà T và ông D nhiều lần cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hai vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hòa giải, cả bà T và ông D đều không tìm ra cách giải quyết, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; tại phiên tòa, bà T vẫn cương quyết ly hôn với ông D, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T với ông D.

[2.2] Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Bà Bùi Thị T và ông Trần Quốc D có 01 con chung là cháu Trần Văn Thanh P, sinh ngày 29/7/2012. Thấy rằng, hiện nay cháu P còn nhỏ nên cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Tại bản tự khai 28/3/2024 cháu P cũng trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T đối với ông D thì thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung thuộc về cha mẹ được quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: "*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*". Cháu P hiện đang ở độ tuổi đi học, để đảm bảo cháu P được học tập và phát triển bình thường cũng như đối với nhu cầu thiết yếu hàng ngày của cháu P thì việc bà T yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Mặt khác, tại phiên tòa ông D trình bày trong trường hợp tòa án chấp nhận cho ly hôn thì ông đồng ý giao cháu P cho bà T nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu P cho bà T nuôi dưỡng, ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T và ông D đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà T và ông D đều trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Ông Trần Quốc D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn ông Trần Quốc D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Văn Thanh P, sinh ngày 29/7/2012 cho bà Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Quốc D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông Trần Quốc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị T và ông Trần Quốc D đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Bùi Thị T và ông Trần Quốc D đều trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

- Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000897 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Quốc D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh An, TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Quang Hải